TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 14-4-2026
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huệ**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hồ Phi Công**

Ông **Nguyễn Văn Hiếu**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Vũ Thị Khánh Tuyền -** Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Không tham gia

Ngày 14/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2025/TLST-HNGĐ ngày 27/11/2025 về ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/3/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Huỳnh Thị Thanh T**, sinh năm 1991 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn*: Anh **Dương Tuấn L,** sinh năm 1989 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp F, xã X, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04/8/2025, trong quá trình làm việc, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh T trình bày: Vào năm 2013, chị và anh Dương Tuấn L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau. Anh chị không còn sống chung với nhau từ tháng 05/2024 cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh L, do đó yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Dương Mạnh H, sinh ngày 22/7/2015. Hiện nay con chung đang sống cùng với chị T. Khi ly hôn, chị yêu cầu

trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Trong quá trình làm việc bị đơn anh Dương Tuấn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy không có lời trình bày.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, chị T được ly hôn với anh L; Về con chung: Giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết; Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Huỳnh Thị Thanh T có đơn khởi kiện ly hôn với anh Dương Tuấn L, do đó xác định chị T là nguyên đơn, anh L là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Dương Tuấn L đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh L là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thanh T và anh Dương Tuấn L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Đồng Nai. Do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Chị T cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ

chồng hay cãi nhau. Cuộc sống chung vợ chồng anh chị không hạnh phúc. Anh chị không còn sống chung với nhau từ tháng 05/2024 cho đến nay. Anh L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, anh L biết việc ly hôn nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh L không có thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Hơn nữa, theo lời khai của bà Trương Thị X (mẹ ruột anh L) thì vợ chồng anh L từ khi kết hôn sống chung với gia đình bà, tuy nhiên cả hai thường xuyên cãi nhau, chị T đã chuyển về nhà mẹ đẻ sống, còn anh L vẫn ở nhà với bà, đi làm ăn cuối tuần mới về nhà. Hai vợ chồng có 01 người con chung và hiện nay chị T vẫn đang nuôi con. Như vậy, chứng tỏ trong cuộc sống hôn nhân giữa chịTuyền và anh L đã xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay, anh chị bỏ mặc không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không còn thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định pháp luật, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Thanh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn, anh L vắng mặt không có lời khai, nên không thể hiện nguyện vọng về con chung. Xét thấy, hiện nay con chung đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T1 nuôi con đảm bảo, con chung có nguyện vọng được sống với mẹ, do đó tiếp tục giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình .

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xét, anh L vắng mặt nên không có lời trình bày, nên không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị T trình bày không có, anh L không có lời khai, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị T trình bày không có, anh L không có lời khai, nên không giải quyết.

[8] Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thanh T ly hôn anh Dương Tuấn L.

2. Về con chung: Giao con chung là Dương Mạnh H, sinh ngày 22/7/2015 cho chị Huỳnh Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008331 ngày 17/11/2025 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

Chị Huỳnh Thị Thanh T, anh Dương Tuấn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận**:*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND KV 6- ĐN;*
- *Phòng THADS KV 6- ĐN;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã nơi kết hôn;*
- *Lưu án văn, hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huệ